

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PÁC NẶM  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST

Ngày 11/5/2022

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn**

**Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Văn Long**

**Ông Lý Hồng Thái**

***- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang*** - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hữu*** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2021 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 15/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nông Văn L, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt lần 2 không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn L tự do tìm hiểu và kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày xx/xx/20xx, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống ở nhà chồng tại Thôn T, xã C, huyện Pác Nặm cho đến nay. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2012 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị đã cố gắng níu kéo quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn L.

Về con chung: Chị và anh Nông Văn L có 01 con chung tên là Nông Nhật H, sinh ngày xx/xx/20xx, con chung của chị và anh L bị bệnh khuyết tật thiếu năng trí tuệ. Hiện nay con đang ở với anh L tại Thôn T, xã C, huyện Pác Nặm. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Nông Văn L cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có

Trong biên bản lấy lời khai, anh Nông Văn L trình bày: Anh và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn năm 20xx, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2011 chị T đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh nên cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, nay chị T xin ly hôn anh nhưng anh không nhất trí.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên là Nông Nhật H, sinh ngày xx/xx/20xx, con chung của anh chị bị bệnh khuyết tật thiếu năng trí tuệ. Hiện nay con đang ở với anh tại Thôn T, xã C, huyện Pác Nặm. Anh không có ý kiến về con chung.

Về tài sản chung: Không có

Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Triệu Thị T vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nông Văn L và đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Nhật H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của chị Triệu Thị T.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Triệu Thị T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh Nông Văn L, nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh Nông Văn L có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn do vậy việc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T kết hôn với anh Nông Văn L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày xx/xx/20xx tại UBND xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị Triệu Thị T và anh Nông Văn L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng chị T và anh L đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay, chị T và anh L không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung tên là Nông Nhật H, sinh ngày xx/xx/20xx, con chung của anh chị bị bệnh khuyết tật thiếu năng trí tuệ, hiện nay con chung của anh chị đang ở với anh L tại Thôn T, xã C, huyện Pác Nặm. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận định con chung của anh chị bị bệnh khuyết tật thiếu năng trí tuệ, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy xác nhận khuyết tật số xx/20xx ngày xx/xx/20xx và đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, do vậy không thể giao việc nuôi dưỡng con chung của anh chị đến đủ 18 tuổi được mà phải giao việc nuôi dưỡng con chung cho đến khi có sự thay đổi khác. Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử nhận định chị T làm công nhân của Công ty TNHH INTOPS VIỆT NAM tại khu công nghiệp Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh có thu nhập ổn định, tại bảng lương tháng 02/2022 chị T được trả lương 9.727.738đ, còn anh L không có việc làm và thu nhập được thể hiện tại biên bản xác minh với bà Dương Thị L là mẹ ruột của anh L, do vậy Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp, đúng với nguyện vọng của cháu Nông Nhật H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Triệu Thị T và anh Nông Văn L xác định không có tài sản chung.

[2.4]. Về vay nợ chung: Chị Triệu Thị T và anh Nông Văn L xác định không có nợ chung.

[3]. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Nông Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Nông Nhật H, sinh ngày xx/xx/20xx cho chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đến khi có sự thay đổi khác. Anh Nông Văn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

\* Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị T không yêu cầu anh Nông Văn L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 0000755 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm ngày 17/11/2021.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nông Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhân:***

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- UBND xã C. (01b)
- Các đương sự. (02b)
- Lưu hs; lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hà Thanh Tuấn**